

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa ngày 26/4/2024.

Đại hội đồng cổ đông quyết nghị:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Thực hiện	% TH/KH
I	Khối lượng thực hiện dịch vụ công ích:			
1	Công tác quét thu gom rác đường hè phố bằng thủ công, quét DPC bằng cơ giới:			
1.1	Công tác quét rác mặt đường bằng thủ công	Ha	20.181,8	100%
1.2	Công tác quét rác hè phố, công viên bằng thủ công	ha	13.497,4	100%
1.3	Công tác quét rác công viên, khuôn viên bằng	ha	4.100,9	100%

	thủ công			
1.4	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày	Km	11.142,79	100%
1.5	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	Km	71.467,9	100%
1.6	Quét dài phân cách bằng cơ giới	km	18.948	98%
2	Công tác vận chuyển, xử lý rác, phế thải.			
2.1	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 4 tấn cự ly 20km	Tấn	93.205	100,6%
2.2	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 4 tấn cự ly 25km	Tấn	23.190	114%
2.3	Công tác xử lý rác	tấn	136.718	100,6%
2.4	Thu gom PTXD	Tấn	3.024	100%
3	Công tác thoát nước đô thị	m3	3.925	100%
4	Duy trì, quản lý công viên khuôn viên	ha	105	Đạt xanh, đẹp
5	Công tác quản lý cây xanh đô thị:			100%
6	Công tác quản lý, vận hành điện chiếu sáng	Lần	15.940	100%
7	Duy trì nhà vệ sinh công cộng	Hố	9.333	100%
8	Quản lý vận hành nhà máy nước thải thành phố	m3	11.200	100%
9	Công tác thu dịch vụ VSMT	Triệu đồng	26.252	100,1%
10	Sửa chữa cơ sở hạ tầng thành phố, chỉnh trang đô thị	Triệu đồng	19.616	100%
II	Tổng doanh thu:		246,281	102,6%
III	Các khoản nộp ngân sách nhà nước:	Tỷ đồng	12.253	100%
IV	Lao động	Người	883	
V	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu/ng/tháng	5,7	100,3%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.828	141,4%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
1.	Tổng doanh thu	Triệu đồng/năm	248.000
2.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng/năm	2.800
3.	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	6,0

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, kế hoạch 2024. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023, kế hoạch 2024. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	246.281
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	246.281
4	Giá vốn hàng bán	223.600
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.681
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.449
7	Chi phí tài chính	2.261
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.922
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.947
11	Thu nhập khác	125
12	Chi phí khác	497
13	Lợi nhuận khác	(372)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.575

15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	747
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.828

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 và kế hoạch năm 2024:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

5.1 + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: 2.828.102.447 đồng.
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 891.093.137 đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trích các quỹ nêu trên dùng chi trả cổ tức: 1.937.009.310 đồng (Một tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, không trăm lẻ chín nghìn, ba trăm mười đồng).

Cổ tức 5.87% tương đương 587 đồng/cổ phần.

Hình thức chi trả bằng tiền. Thời gian chi trả: Quý III/2024

5.2 Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

+ Cổ tức dự kiến 5.5% -6.5%.

+ Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng bộ phận văn phòng công ty: 20% lợi nhuận sau thuế (nếu hoàn thành kế hoạch cổ tức), 15% lợi nhuận sau thuế (nếu ko hoàn thành kế hoạch cổ tức).

+ Lợi nhuận sau thuế của bộ phận kinh doanh: trích quỹ phúc lợi khen thưởng.

+ Không tạm ứng cổ tức năm 2024.

Điều 6. Thông qua báo cáo về thù lao, tiền lương của từng thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi thù lao, lương, thưởng và chi phí cho HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2024.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trần Chính	Chủ tịch HĐQT-PGD Công ty	218.480.990	
2	Đỗ Thị Minh Hải	P.Chủ tịch HĐQT	147.189.543	

3	Hồ Viết Lâm	Thành viên HĐQT	25.200.000	
4	Thiều Văn San	Thành viên HĐQT	25.200.000	
5	Lê Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	25.200.000	
6	Trương Thị Thanh Bình	TB kiểm soát	139.902.290	
7	Tổng Thị Thọ	TV Ban kiểm soát	16.800.000	
8	Nguyễn Tiến Hải	TV Ban kiểm soát	16.800.000	

2. Tiền lương của Giám đốc, các phó Giám đốc, kế toán trưởng năm 2023:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hồ Viết Lâm	Giám đốc	171.563.867	
2	Thiều Văn San	Phó giám đốc	148.072.286	
3	Lê Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	149.179.730	

Điều 7. Thông qua chi phí hoạt động, mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2023, kế hoạch năm 2024: Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2023, kế hoạch năm 2024:

Khoản mục	Thực hiện năm 2023(đồng)	Kế hoạch năm 2024(đồng)
Thù lao	100.800.000	100.800.000
Đi công tác, tham gia các hiệp hội...	89.504.000	100.000.000
Tổng		

2. Chi phí hoạt động của BKS năm 2023, kế hoạch năm 2024:

Khoản mục	Thực hiện năm 2023(đồng)	Kế hoạch năm 2024(đồng)
Thù lao	33.600.000	33.600.000
Tổng	33.600.000	33.600.000

Điều 8. Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của công ty:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

Gồm các công ty sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, chi nhánh phía Bắc.
3. Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế.

Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho công ty.

Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với ông Thiệu Văn San và miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với ông Nguyễn Tiến Hải.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 10: Thông qua số lượng và danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026. Tỷ lệ biểu quyết 100%

Kết quả đại hội bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 trúng cử: Ông Nguyễn Tiến Hải.

Kết quả đại hội bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 trúng cử: Bà Nguyễn Thị Nga.

Điều 11. Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết về chi trả cổ tức năm 2023 đối với cổ đông và phương án phải xử lý (nếu có).

Điều 11. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2024 với 39 cổ đông tham dự biểu quyết = 3.172.190 CP, đạt 100%.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng, ban đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Điều 11; Cổ đông;
- UBCKNN; Sở GD&ĐT;
- UBND Tỉnh Thanh Hóa
- Lưu: VT, TK&QT; TL&HCĐ.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trần Chính